

BÀI BÁO NGHIÊN CỨU GÓC

Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thông tin khám chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa Kiên Giang, năm 2017Đỗ Thanh Tùng^{1*}, Nguyễn Ngọc Thu¹, La Đức Phương¹, Phạm Quốc Thành², Trần Thị Hồng²**TÓM TẮT**

Mục tiêu: 1) Mô tả thực trạng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) (máy móc, trang thiết bị và hệ thống mạng) và phần mềm quản lý thông tin khám chữa bệnh (TTKCB); 2) Mô tả một số thuận lợi và khó khăn trong việc ứng dụng CNTT trong quản lý TTKCB tại bệnh viện đa khoa (BVĐK) Kiên Giang năm 2017.

Phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang, kết hợp định lượng và định tính được thực hiện từ tháng 02/2017 đến tháng 08/2017 tại BVĐK Kiên Giang. Đối tượng nghiên cứu định lượng gồm 180 bác sĩ và điều dưỡng, trả lời phát vấn theo bộ câu hỏi có cấu trúc. Số liệu định tính được thu thập qua các cuộc phỏng vấn sâu lãnh đạo bệnh viện, lãnh đạo các khoa phòng, và thảo luận nhóm với các điều dưỡng.

Kết quả: Trang thiết bị CNTT cơ bản đáp ứng được nhu cầu quản lý TTKCB tại bệnh viện. Mạng LAN và internet cần nâng cấp mới đáp ứng được nhu cầu sử dụng. Phần mềm quản lý TTKCB dễ sử dụng nhưng các tiêu chí liên quan đến báo cáo số liệu và Bảo hiểm y tế (BHYT) chưa đạt. Các yếu tố thuận lợi trong việc ứng dụng CNTT trong quản lý TTKCB tại bệnh viện: sự quan tâm và chỉ đạo của Ban giám đốc; công tác đào tạo đầy đủ; kỹ năng sử dụng CNTT của cán bộ y tế. Yếu tố khó khăn lớn nhất là các văn bản hướng dẫn cụ thể của Bộ Y tế; việc liên kết chia sẻ TTKCB với BHYT chưa được đồng bộ.

Kết luận và khuyến nghị: Bệnh viện cần nâng cấp hệ thống mạng, mua sắm thêm trang thiết bị CNTT phục vụ cho việc ứng dụng CNTT quản lý TTKCB. Bộ Y tế cần xây dựng văn bản hướng dẫn về việc áp dụng CNTT quản lý TTKCB tại các bệnh viện công lập và ngoài công lập.

Từ khóa: Ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý thông tin y tế, bệnh viện Kiên Giang.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm qua, ngành Y tế Tỉnh Kiên Giang đã và đang triển khai ứng dụng CNTT tới các đơn vị bệnh viện trong tỉnh bước đầu đạt kết quả khả quan. BVĐK tỉnh Kiên Giang với 1500 giường bệnh, là tuyến điều trị cao nhất, chịu trách nhiệm chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho nhân dân trong tỉnh (1, 2).

Hàng năm, trong quá trình hoạt động đã phát sinh ra một khối lượng rất lớn các TTKCB của bệnh nhân tới khám và điều trị cần được

quản lý (3). Điều 59 Luật khám chữa bệnh 2009 có ghi TTKCB là “tài liệu ghi chép tình hình bệnh tật và các chế độ điều trị, có ý nghĩa quan trọng trong quản lý bệnh nhân, nghiên cứu khoa học, chứng từ tài chính và pháp y” (4).

Với số lượng bệnh nhân khám và điều trị cao, việc quá tải bệnh viện thường xuyên xảy ra, công tác quản lý bộc lộ nhiều bất cập và trì trệ. Do vậy, việc ứng dụng CNTT quản lý TTKCB trong quá trình hỗ trợ công tác quản lý bệnh viện là một yêu cầu thực tế và cấp thiết.



*Địa chỉ liên hệ: Đỗ Thanh Tùng

Email: tugdovnoi@gmail.com

¹Trường Cao đẳng Y tế Kiên Giang

²Trường Đại học Y tế công cộng

Ngày nhận bài: 25/01/2018

Ngày phản biện: 23/03/2018

Ngày đăng bài: 25/06/2018

Với mong muốn đưa ra một bức tranh tổng thể về thực trạng công tác ứng dụng CNTT trong quản lý TTKCB tại BVĐK Kiên Giang, từ đó đánh giá những thuận lợi và khó khăn, tìm ra những nguyên nhân tồn tại và đề xuất giải pháp khắc phục, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này với hai mục tiêu: 1) Mô tả thực trạng cơ sở hạ tầng CNTT (máy móc, trang thiết bị và hệ thống mạng) và phần mềm quản lý TTKCB; 2) Mô tả một số thuận lợi và khó khăn trong việc ứng dụng CNTT trong quản lý TTKCB tại BVĐK Kiên Giang năm 2017.

Kết quả nghiên cứu sẽ giúp lãnh đạo bệnh viện xây dựng chiến lược phát triển tổng thể ứng dụng CNTT quản lý TTKCB trong bệnh viện trong thời gian tiếp theo.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu mô tả cắt ngang, phương pháp định lượng kết hợp với định tính. Nghiên cứu định lượng để trả lời cho mục tiêu 1. Các tiêu chí theo quyết định 5573/QĐ-BYT của Bộ Y tế ngày 29/12/2016 về việc ban hành “tiêu chí phần mềm và nội dung một số phân hệ phần mềm tin học quản lý bệnh viện” (5) được áp dụng để đánh giá phần mềm quản lý TTKCB tại BVĐK Kiên Giang. Nghiên cứu định tính thực hiện để trả lời cho mục tiêu 2.

Đối tượng nghiên cứu

Các báo cáo hoạt động ứng dụng CNTT trong quản lý TTKCB ở BVĐK Kiên Giang năm 2015, 2016; Các phân hệ phần mềm liên quan đến việc ứng dụng CNTT trong quản lý TTKCB, gồm phân hệ phần mềm quản lý Khoa Khám bệnh, phân hệ Khoa cấp cứu, phân hệ quản lý Bệnh nhân nội trú; Các cán bộ nhân viên CNTT, Bác sĩ và Điều dưỡng tại 4 khoa có sử dụng các phân hệ nêu trên (khoa

Khám bệnh, khoa cấp cứu tổng hợp, khoa dịch vụ theo yêu cầu và khoa nội B), Ban Giám đốc (BGĐ), trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp.

Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành từ 2/2017 - 8/2017, tại BVĐK Kiên Giang.

Cỡ mẫu, phương pháp chọn mẫu và phương pháp thu thập số liệu

Nghiên cứu định lượng: Chọn mẫu toàn bộ 180 Bác sĩ và Điều dưỡng tại 4 khoa và thực hiện phát vấn bộ câu hỏi thiết kế sẵn.

Nghiên cứu định tính: 6 cuộc phỏng vấn sâu các đối tượng: BGĐ, Trưởng khoa khám, điều dưỡng trưởng khoa dịch vụ, trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp, trưởng phòng CNTT và 1 cán bộ phòng CNTT; 1 cuộc thảo luận nhóm với 4 cán bộ điều dưỡng tại bệnh viện. Do việc quản lý thông tin bệnh nhân tới khám và điều trị chủ yếu do cán bộ điều dưỡng làm, bác sĩ thường phụ trách chuyên môn.

Phương pháp phân tích số liệu

Số liệu định lượng đã được nhập bằng phần mềm EpiData 3.1, phân tích bằng phần mềm SPSS 16.0. Thông tin từ các cuộc phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm được ghi âm và ghi chép biên bản. Sau đó tiến hành gỡ băng và phân tích theo chủ đề.

Đạo đức trong nghiên cứu

Mọi thông tin cá nhân về đối tượng nghiên cứu được bảo mật. Nghiên cứu đã được Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Trường Đại học Y tế công cộng thông qua theo quyết định số 160/2017/YTCC-HD3.

KẾT QUẢ

Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

Bảng 1 cho thấy, có 39,4% cán bộ công tác tại bệnh viện từ 5-10 năm tham gia phát vấn và đây là nhóm đối tượng đông nhất; 25% cán bộ công tác từ 11-15 năm. Về thu nhập, có gần 64% cán bộ trong nghiên cứu có thu nhập từ

2-5 triệu và 33,3% từ 5-8 triệu các nhóm khác không quá 2%. Về khả năng sử dụng máy tính của cán bộ tham gia nghiên cứu thì có 86% có chứng chỉ tin học A, B và 1% có chứng chỉ C và 13% không có chứng chỉ.

Bảng 1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

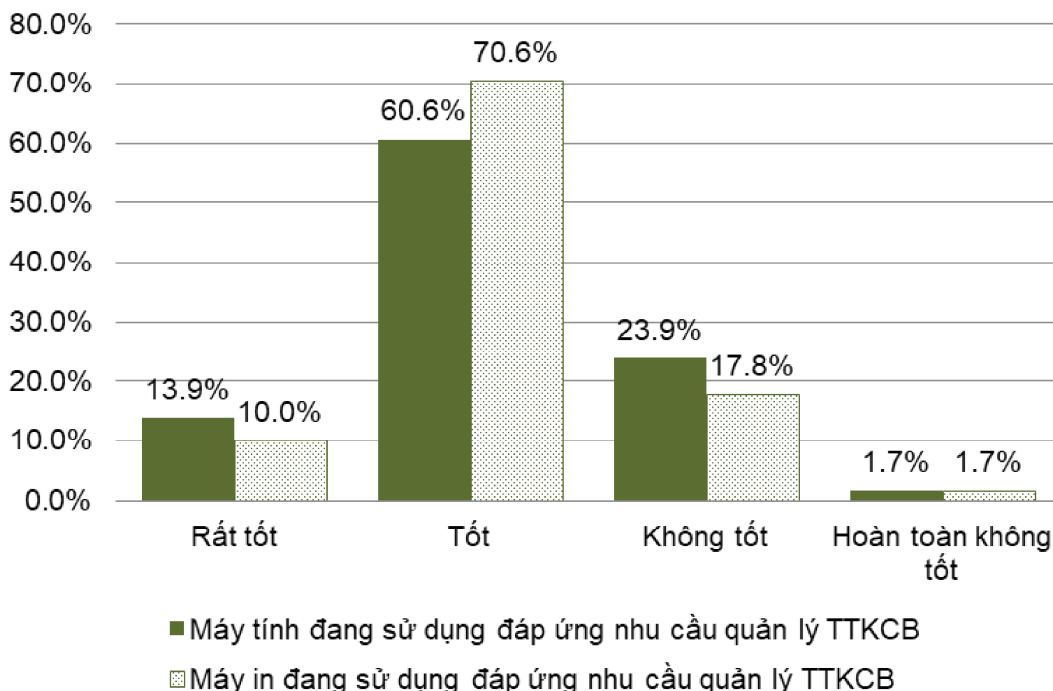
	Biến số	Tổng số	Tỷ lệ %
Giới tính	Nam	65	36,1
	Nữ	115	63,9
Nhóm tuổi	<30	33	18,3
	30-50	123	68,3
	>50	24	13,3
Năm công tác	Dưới 5 năm	23	12,8
	Từ 5 – 10 năm	71	39,4
	Từ 11 – 15 năm	45	25,0
	Trên 15 năm	41	22,8
Nghề nghiệp	Bác sĩ	49	27,2
	Điều dưỡng	131	72,8
Mức lương	Dưới 2 triệu	3	1,7
	Từ 2 – 5 triệu	115	63,9
	Từ 5 – 8 triệu	60	33,3
	Trên 8 triệu	2	1,1
Trình độ chứng chỉ tin học	Chứng chỉ A	112	62,0
	Chứng chỉ B	43	24,0
	Chứng chỉ C	1	1,0

Thực trạng cơ sở hạ tầng CNTT tại Bệnh viện

BVĐK Kiên Giang hiện có tổng số 2 máy chủ. Tại 4 khoa nghiên cứu có 73 máy tính và 72 máy in. Thời gian đưa vào sử dụng từ 3 đến 5 năm, không có máy nào sử dụng quá 5 năm. Biểu đồ 1 cho thấy, 74,5% cán bộ tham gia phát vấn cho rằng máy tính hiện đang sử dụng có đáp ứng nhu cầu quản lý TTKCB, trong khi 25,6% cho thấy chưa

đáp ứng. Bên cạnh đó ý kiến về máy in là 80,6% đang sử dụng có đáp ứng và 19,5% chưa đồng ý.

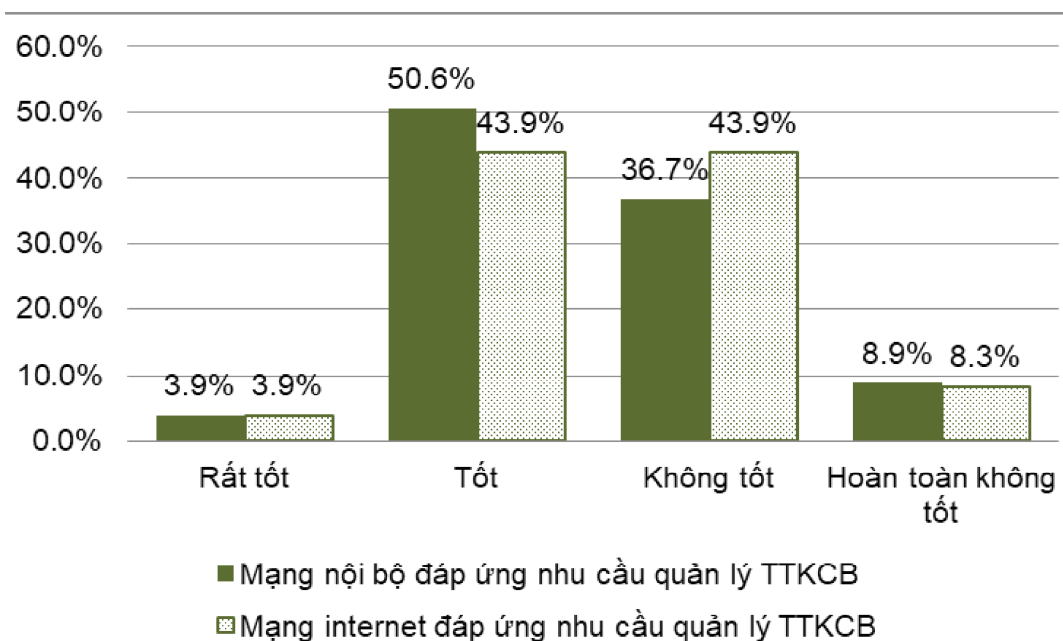
Một cán bộ phòng KHTH cho biết “*Tuy máy tính được trang bị mới nhưng trong quá trình sử dụng cũng thường xuyên bị lỗi như bị virus, hư hệ điều hành, còn về máy in thì đôi khi bị kẹt giấy. Những lỗi đó thường anh em trong phòng CNTT khắc phục nhanh*” (PVS-Cán bộ phòng KHTH).



Biểu đồ 1. Đánh giá của cán bộ về máy tính và máy in đáp ứng nhu cầu quản lý TTKCB

Biểu đồ 2 cho thấy, 53,4% cán bộ tham gia phát vấn cho rằng mạng LAN đáp ứng nhu cầu quản lý TTKCB, trong khi 45,6% cho

rằng không đáp ứng. Bên cạnh đó ý kiến về mạng internet là 47,8% đang sử dụng có đáp ứng và 52,2% cho rằng không đáp ứng.



Biểu đồ 2. Đánh giá của cán bộ về mạng nội bộ và mạng internet đáp ứng nhu cầu quản lý TTKCB

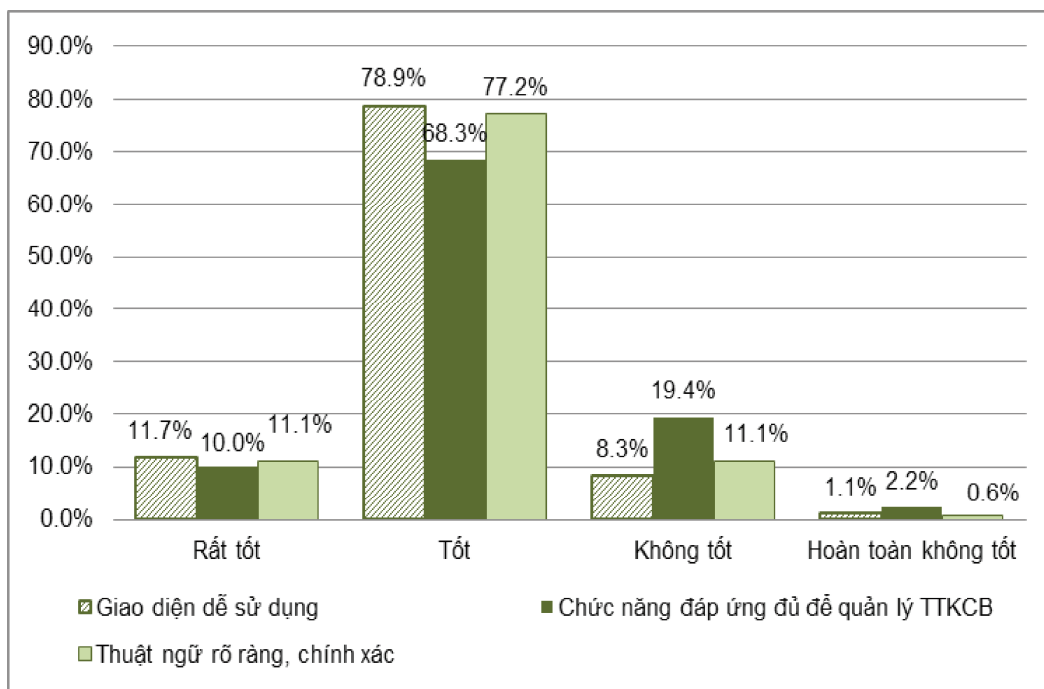
Từ kết quả đánh giá trên ta thấy được cơ sở hạ tầng mạng chưa thật sự tốt do hệ thống dây mạng và hub quá cũ. Qua kết quả phỏng vấn sâu cán bộ phòng CNTT cũng cho kết quả tương tự “Hiện máy chủ đang đặt tại phòng CNTT nên các máy muốn sử dụng phần mềm phải kết nối mạng LAN. Trong quá trình sử dụng phần mềm đôi khi bị rớt mạng đặt biệt là giờ cao điểm. Hệ thống dây mạng và hub cũ kỹ, có cái hoạt động trước năm 2012 nên đôi khi bị chập chờn. Còn về vấn đề kết nối internet hiện BGĐ chỉ cho phép một số khoa được kết nối và một số cán bộ quản lý được sử dụng” (PVS-trưởng phòng CNTT).

Thực trạng phần mềm quản lý TTKCB

Phân hệ phần mềm của khoa Khám bệnh đạt 18/24 tiêu chí nội dung (75%). Phân hệ phần

mềm quản lý Khoa Cấp cứu đạt 25/30 tiêu chí nội dung (83%). Phân hệ phần mềm quản lý Bệnh nhân nội trú đạt 10/12 tiêu chí (83%). Tiêu chí “đáp ứng yêu cầu báo cáo thống kê theo qui định của Bộ Y tế” và “đáp ứng yêu cầu báo cáo thống kê bảo hiểm xã hội” là hai tiêu chí không đạt trong cả ba phân hệ.

Phần lớn cán bộ tham gia nghiên cứu đánh giá tốt về phần mềm: 90,6% cán bộ cho rằng phần mềm có giao diện dễ sử dụng, 78,3% đánh giá chức năng của phần mềm đáp ứng nhu cầu quản lý TTKCB, 88,3% cho rằng các thuật ngữ của phần mềm được khá rõ ràng và chính xác (Biểu đồ 3). Các yếu tố về phần mềm được đánh giá rất cao chính là yếu tố thuận lợi cho việc triển khai ứng dụng CNTT quản lý TTKCB.



Biểu đồ 3. Đánh giá về phần mềm quản lý TTKCB

Việc ứng dụng CNTT quản lý TTKCB được BGĐ bệnh viện đánh giá cao, trong cuộc phỏng vấn sâu với phó giám đốc bệnh viện cho thấy rằng việc ứng dụng CNTT quản lý TTKCB đã hỗ trợ nhiều cho BGĐ trong công tác quản lý bệnh viện “Từ khi sử dụng

hệ thống phần mềm công việc thống kê báo cáo được cải thiện rất nhiều. Bản thân tôi khi muốn biết thông tin số lượng bệnh nhân hàng tháng, hàng quý hoặc hiện tại tôi chỉ cần đăng nhập vào phần mềm là có thể xem được, không phải nhờ các phòng khoa tổng

hợp. Điều đó đem lại thuận lợi cho tôi rất nhiều.” (PVS-Phó GD).

Kết quả thảo luận nhóm còn cho thấy lợi ích của phần mềm đem lại là “*Theo quan điểm của nhóm điều dưỡng chúng tôi việc ứng dụng công nghệ thông tin đem lại cho bệnh viện nhiều lợi ích thiết thực như: Giảm thời gian chờ của bệnh nhân và nâng cao hiệu quả làm việc của nhân viên y tế, phần mềm còn giúp tìm kiếm mã thuốc nhanh hơn, giảm ghi chép nhiều. Qua đó giảm thiểu các sai sót trong chuyên môn cũng như tính pháp lý, giúp an tâm trong quá trình làm việc*” (TLN-CB Điều dưỡng).

Việc áp dụng các phân hệ quản lý theo chức năng từng phòng khoa đã giúp ích cho nhân viên y tế mà còn giúp ích rất nhiều cho bệnh nhân như giảm thủ tục hành chính, thời gian chờ đợi giảm đi, tìm kiếm thông tin tiền sử bệnh của những lần trước đó, minh bạch trong tài chính và đặc biệt là tài liệu hồ sơ rõ ràng sạch đẹp và chính xác hơn.

Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình ứng dụng CNTT trong quản lý TTKCB

Kết quả nghiên cứu cho thấy có 3 yếu tố thuận lợi trong quá trình ứng dụng CNTT tại bệnh viện, bao gồm: kỹ năng CNTT của cán bộ y tế được đánh giá cao, kinh phí đầu tư cho việc ứng dụng CNTT phù hợp, sự quan tâm chỉ đạo hợp lý của BGĐ trong việc triển khai là những yếu tố đem lại thành công cho dự án.

Về kỹ năng sử dụng phần mềm của cán bộ cũng được đánh giá khá cao 89,5% số cán bộ tham gia nghiên cứu đánh giá kỹ năng sử dụng máy tính của bản thân đáp ứng được công việc, ý kiến của điều dưỡng phòng khám tham gia phỏng vấn sâu “*bản thân trước khi vào làm việc tại bệnh viện tôi có tham gia các lớp tin học, do đó việc sử dụng phần mềm không mấy khó khăn với tôi*” (PVS-Điều dưỡng).

Qua cuộc phỏng vấn sâu các bộ phòng kế

toán thấy được kinh phí đầu tư cho việc ứng dụng CNTT trong quản lý TTKCB là một yếu tố thuận lợi, nó thể hiện qua kinh phí hằng năm dùng để chi cho hoạt động CNTT của bệnh viện là khoảng 1.45 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 1% kinh phí bệnh viện, con số này đạt theo yêu cầu quy định của Bộ Y tế (3), “*Hằng năm bệnh viện chi 1% thu nhập cho việc ứng dụng CNTT để quản lý Bệnh viện, do lợi ích mà việc ứng dụng CNTT mang lại cho bệnh viện nên BGĐ đã cân đối ngân sách để kinh phí cho việc ứng dụng CNTT luôn đảm bảo*” (PVS-GĐ bệnh viện).

Sự chỉ đạo quyết liệt và có định hướng hợp lý của BGĐ trong việc ứng dụng CNTT quản lý TTKCB là một yếu tố quyết định thành công cho dự án, đây là yếu tố thuận lợi rất quan trọng, theo ý kiến của trưởng phòng CNTT “*Ngay những ngày đầu xây dựng đề án trình Ủy ban phê duyệt kinh phí đầu tư ứng dụng CNTT quản lý TTKCB. BGĐ đã chỉ đạo phải rà soát lại toàn bộ hệ thống trang thiết bị CNTT trong bệnh viện có đáp ứng không, các trang thiết bị đã cũ hết hạn sử dụng phải tổng hợp đề xuất nâng cấp hoặc thay mới, không thể để các trang thiết bị cũ làm ảnh hưởng đến đề án.*” (PVS-Trưởng phòng CNTT).

Bên cạnh các yếu tố thuận lợi vẫn còn tồn tại các yếu tố khó khăn như cơ sở hạ tầng quy hoạch chưa hợp lý, các văn bản quy định hướng dẫn của ngành y tế về ứng dụng CNTT quản lý TTKCB.

Tuy được BGĐ bệnh viện đặc biệt quan tâm đầu tư trang thiết bị CNTT phục vụ quản lý TTKCB nhưng do bệnh viện có lịch sử lâu đời, quá trình hình thành và phát triển có nhiều lần đầu tư nâng cấp, mở rộng diện tích để phục vụ bệnh nhân tốt hơn. Trong những lần nâng cấp, mở rộng, bệnh viện chỉ chú trọng vào mục đích sử dụng mà thiếu quy hoạch hợp lý nên hạ tầng cơ sở bệnh viện thiếu tính liên kết, điều đó dẫn đến cơ sở hạ tầng mạng bị ảnh hưởng gây khó khăn cho việc xây dựng và quản lý hệ thống mạng, điều đó cũng phù hợp với ý kiến của BGĐ

bệnh viện “*Bệnh viện đa khoa Kiên Giang được thành lập trước năm 1975, từ đó đến nay bệnh viện chỉ có mở rộng một số khoa phòng để đủ diện tích phục vụ bà con, về cơ bản hiện trạng bệnh viện vẫn giữ nguyên, do đó việc bố trí các khoa trong bệnh viện chưa thật sự khoa học, điều đó gây khó khăn cho bệnh nhân và công tác quản lý của chúng tôi*” (PVS-PGD).

Một khó khăn nữa về cơ sở hạ tầng mạng như “*thường kẹt mạng, mạng chạy chậm, có khi treo mạng giờ cao điểm, mưa thì rớt mạng, ...*” (TLN-CB Điều dưỡng). Điều này ảnh hưởng đến quá trình kết nối dữ liệu giữa các khoa phòng khi bị gián đoạn và ảnh hưởng trực tiếp đến việc khám chữa bệnh, giảm năng suất làm việc của cán bộ y tế và ảnh hưởng trực tiếp đến bệnh nhân.

Bên cạnh đó, các văn bản quy định hướng dẫn của ngành y tế về ứng dụng CNTT quản lý TTKCB được cán bộ y tế đánh giá không cao. Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy “*Các văn bản quy định, tiêu chuẩn, hướng dẫn về việc ứng dụng CNTT quản lý TTKCB còn rất ít. Không có văn bản quy định rõ ràng và cụ thể, việc thay đổi cơ chế chính sách luật BHYT thường xuyên. Tại bệnh viện cũng chưa có quy định rõ ràng cho việc ứng dụng CNTT quản lý TTKCB, nó chỉ là một phần của việc ứng dụng CNTT quản lý bệnh viện*” (PVS - Phòng KHTH).

BÀN LUẬN

Thực trạng cơ sở hạ tầng CNTT và phần mềm quản lý TTKCB

Số lượng máy tính trong 4 khoa nghiên cứu không có máy nào sử dụng quá 5 năm. Điều này cho thấy là hệ thống hạ tầng thiết bị CNTT mới được đầu tư nâng cấp không lâu, thiết bị hiện đại nên đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng máy tính của các cán bộ bệnh viện, đây cũng là yếu tố thuận lợi hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Hương Giang (2011)

tại Bệnh viện Bạch Mai là nhiều máy tính đã trang bị trên 5 năm, hiện đã hết khấu hao (6).

Hệ thống mạng LAN được kết nối tất cả các máy tính phục vụ cho việc quản lý TTKCB nhưng đôi khi bị trục trặc và mất kết nối. Mạng Internet chưa được triển khai đồng bộ, tỷ lệ kết nối internet chỉ có 34%. Kết quả này khác nghiên cứu của Vũ Thị Lâm (2011) tại bệnh viện Việt Pháp là 100% tất cả các máy tính có thể truy cập vào internet (7).

Các phân hệ phần mềm trên được đánh giá cao trong quản lý TTKCB, việc áp dụng các phân hệ quản lý theo chức năng từng phòng khoa đã giúp ích cho nhân viên y tế mà còn giúp ích rất nhiều cho bệnh nhân như giảm thủ tục hành chính, thời gian chờ đợi giảm đi và đặc biệt là tài liệu hồ sơ rõ ràng sạch đẹp hơn.

Bệnh viện là chỉ áp dụng một phần mềm duy nhất nhưng được phân hệ theo chức năng công việc cụ thể nên thông tin được đồng bộ và chính xác, số liệu được khai thác một cách hiệu quả.

Yếu tố thuận lợi và khó khăn

Kỹ năng sử dụng máy tính tốt, phần mềm dễ sử dụng là những thuận lợi trong việc triển khai ứng dụng CNTT trong quản lý TTKCB tại BVĐK Kiên Giang. Quan trọng hơn hết là BGĐ đã mạnh dạn đầu tư kinh phí, quyết liệt trong chỉ đạo và có định hướng hợp lý trong việc ứng dụng CNTT ngay từ những ngày đầu.

Bên cạnh những thuận lợi thì việc ứng dụng CNTT quản lý TTKCB gặp không ít khó khăn do thiếu các quy định, văn bản cụ thể trong việc triển khai ứng dụng CNTT quản lý TTKCB tại các khoa phòng. Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thu Hương tại Bệnh viện Nhi tỉnh Thanh Hóa năm 2013 (8).

Kết quả nghiên cứu còn cho ta thấy tính kết nối và chia sẻ dữ liệu trong mạng LAN giữa

các khoa phòng với nhau trong bệnh chưa thật sự tốt, do quá trình xây dựng mở rộng bệnh viện chỉ chú trọng vào mục đích sử dụng mà thiếu quy hoạch hợp lý nên dẫn đến cơ sở hạ tầng mạng bị ảnh hưởng.

Việc liên kết chia sẻ TTKCB với BHYT là một điều rất khó khăn, không có tính thống nhất do không cùng hệ thống phần mềm, gây khó khăn cho bệnh viện. Đây cũng là khó khăn được nhắc tới trong nghiên cứu của Nguyễn Thành Nhơn và cộng sự tại bệnh viện Đa khoa Thủ Đức năm 2017 (9), và của Trần Ngọc Luân tại Bệnh viện Tâm trí Đồng Tháp năm 2015 (10).

KẾT LUẬN

Trang thiết bị CNTT cơ bản đáp ứng được nhu cầu quản lý TTKCB. Cơ sở hạ tầng mạng cần nâng cấp thêm mới đáp ứng được nhu cầu sử dụng. Phần mềm cần hoàn thiện thêm các tiêu chí liên quan đến việc xuất báo cáo. Các yếu tố thuận lợi khác được đề cập gồm: Sự quan tâm và chỉ đạo của BGĐ, công tác đào tạo đầy đủ và kỹ năng sử dụng CNTT của cán bộ y tế. Yếu tố khó khăn lớn nhất là các văn bản hướng dẫn cụ thể của Bộ Y tế và việc liên kết chia sẻ TTKCB với BHYT chưa đồng bộ.

KHUYẾN NGHỊ

Với bệnh viện Đa Khoa Kiên Giang: Cần nâng cấp hệ thống mạng LAN, internet và mua sắm thêm trang thiết bị CNTT phục vụ cho việc ứng dụng CNTT quản lý TTKCB. Phần mềm quản lý TTKCB cần được hoàn thiện thêm chức năng chiết xuất báo cáo và liên kết chia sẻ TTKCB với BHYT.

Với Bộ Y tế: Xây dựng và nâng cấp văn bản hướng dẫn về việc áp dụng CNTT quản lý

TTKCB tại các bệnh viện công lập và ngoài công lập.

Lời cảm ơn: Tôi xin chân thành cảm ơn Ban giám đốc, tập thể cán bộ và anh chị em đồng nghiệp tại Bệnh viện đa khoa Kiên Giang đã tạo điều kiện và giúp đỡ tôi trong quá trình thu thập số liệu, cung cấp thông tin trong quá trình nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bệnh viện Kiên Giang (2015), Báo cáo thống kê tình hình nhân lực của phòng Tổ chức cán bộ.
2. UBND Tỉnh Kiên Giang (2016), Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 – 2020.
3. Bệnh viện Đa Khoa (2012), Ứng dụng CNTT vào công tác quản lý bệnh viện đa khoa Kiên Giang, Đề cương và dự toán chi tiết.
4. Quốc Hội (2009), Luận khám bệnh, chữa bệnh sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10, Số 40/2009/QH12.
5. Quyết định 5573/QĐ-BYT (2006), “Tiêu chí phần mềm và nội dung phân hệ phần mềm tin học quản lý bệnh viện”, Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.
6. Nguyễn Thị Hương Giang (2011), “Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện tại Bệnh viện Bạch Mai năm 2011”.
7. Vũ Thị Lâm (2011), “Thực trạng ứng dụng hồ sơ bệnh án điện tử tại bệnh viện Việt pháp Hà Nội, năm 2011”, Luận văn Thạc sĩ - Trường Đại học Y tế công cộng.
8. Nguyễn Thu Hương (2013), “Đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện tại Bệnh viện Nhi - Tỉnh Thanh Hóa năm 2013”, Luận văn Thạc sĩ - Trường Đại học Y tế công cộng.
9. Nguyễn Thành Nhơn (2017). Thực trạng ứng dụng bệnh án điện tử tại bệnh viện đa khoa Thủ Đức năm 2017. Luận văn Thạc sĩ quản lý bệnh viện.
10. Trần Ngọc Luân (2015), “Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện tại bệnh viện đa khoa tâm trí Đồng Tháp, năm 2015”, Luận văn Thạc sĩ - Trường Đại học Y tế công cộng.

Application of information technology to manage information on examination and treatment at Kien Giang General Hospital in 2017

Do Thanh Tung¹, Nguyen Ngoc Thu¹, La Duc Phuong¹, Tran Thi Hong²

¹Medical College of Kien Giang Province

²Hanoi University of Public Health

Objectives: 1) to describe the the actual situation of IT infrastructure and health information management software; 2) to analyzes the advantages and difficulties in application of IT in Kien Giang General Hospital in 2017. Methods: Cross sectional design, both quantitative and qualitative methods were applied from February 2017 to August 2017 in Kien Giang General Hospital 2017. 180 doctors and nurses were recruited to answer the questionnaire. 6 indepth interviews and 1 focus group discussion were conducted. Main findings: IT equipment basically met the needs of health information management. LAN and internet need to be upgraded to meet the demand. The health information management software was easy to use but the criteria related to data reporting and health insurance had not been met. The advantage factors were: the attention and direction of the hospital director; adequate training provided; IT skills of health workers. The biggest difficulties were the specific guidelines of the Ministry of Health; the information linking and sharing between the current hospital health information and the health insurance. Conclusion: The hospital needed to upgrade the network infrastructure system, purchase more equipments for IT application management center. The Ministry of Health needed to develop a guideline on the application of IT management in the public and private non-public hospitals.

Keywords: *IT application, Kien Giang general hospital, hospital information system.*